

Mẫu số: D24-THADS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP
ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp)

CỤC THADS TỈNH ĐẮK NÔNG
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN ĐẮK SONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 437/TB-THADS

Đắk Song, ngày 29 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO
Về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;
Căn cứ Bản án, Quyết định số 77/2019/DSST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông;
Căn cứ Quyết định thi hành án số 312/QĐ-CCTHADS ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông;
Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 15/QĐ-CCTHADS ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông;
Căn cứ kết quả thẩm định giá số 205/2025/THBM/106 ngày 09/4/2025 của Công ty cổ phần thẩm định giá Trung Hải Ban Mê, địa chỉ: Số 08 đường 02, buôn Ako Dhong, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức bán đấu giá tài sản.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông lựa chọn: Chi nhánh Công ty đấu giá Hợp danh Dầu Khí Việt Nam tại tỉnh Đắk Nông, địa chỉ: 76A Lê Thánh Tông, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Do trong thời gian lựa chọn từ ngày 17/4/2025 đến ngày 21/4/2025 chỉ có Công ty đấu giá Hợp danh Dầu khí Việt Nam tại tỉnh Đắk Nông nộp hồ sơ.

Để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản các tài sản đã kê biên sau:

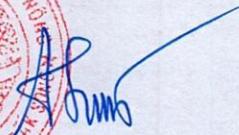
Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 172, tờ bản đồ số 17, diện tích 908m² trong đó có 100m² đất ở nông thôn và còn lại là đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại Thôn 03, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo giấy CNQSDĐ số CO 966996, số vào sổ cấp GCN: CS 05233, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 26/10/2018 cho bà Nguyễn Thị Liên.

Vậy, thông báo để các bên đương sự và người có quyền, nghĩa vụ liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá;
- Trang thông tin điện tử của Cục THADS;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN


Nguyễn Anh Sâm



**BẢNG CHẤM ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH DẦU KHÍ TẠI
TỈNH ĐẮK NÔNG**

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	TỔNG (I+II+III+IV+V+VI)	100	91	
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố			
	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	
	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện		
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	19,0	
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0	10,0	
	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	5,0	
	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	5,0	
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0	5,0	
	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	2,0	
	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tổ chức phiên đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	3,0	
3	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên	2,0	2,0	
	Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp			
4	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 phiên đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0	1,0	
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0	
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0	16,0	
1	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	4,0	
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0	
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0	

2	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0	4,0	
3	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0	4,0	
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0	2,0	
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0	2,0	
4	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giú, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0	4,0	
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57	48	
1	Tổng số phiên đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả phiên đấu giá thành và phiên đấu giá không thành)	15,0	15,0	
1.1	Dưới 20 phiên đấu giá	12,0		
1.2	Từ 20 phiên đấu giá đến dưới 40 phiên đấu giá	13,0		
1.3	Từ 40 phiên đấu giá đến dưới 70 phiên đấu giá	14,0		
1.4	Từ 70 phiên đấu giá trở lên	15,0	15,0	
2	Tổng số phiên đấu giá thành trong năm trước liền kề	7,0	6,0	
2.1	Dưới 10 phiên đấu giá thành (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	4,0		
2.2	Từ 10 phiên đấu giá thành đến dưới 30 phiên đấu giá thành	5,0		
2.3	Từ 30 phiên đấu giá thành đến dưới 50 phiên đấu giá thành	6,0	6,0	45 cuộc
2.4	Từ 50 phiên đấu giá thành trở lên	7,0		
3	Tổng số phiên đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế phiên đấu giá và các tài liệu có liên quan)	7,0	6,0	
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	4,0		
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0		
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0	6,0	30 cuộc
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0		
4	Tổng số phiên đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	3,0	3,0	
5	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)	7,0	5,0	
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0		
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0	5,0	

5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0		
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0		
6	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	4,0	3,0	
6.1	01 đấu giá viên	2,0		
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0	3,0	
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0		
7	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)	4,0	3,0	
7.1	Dưới 05 năm	2,0		
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0	3,0	
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0		
8	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	5,0	4,0	
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0		
8.2	Từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0	4,0	
8.3	Từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0		
9	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)	5,0	3,0	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0	3,0	
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0		
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0		
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0	8,0	
TỔNG ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC		100	91	